

Số: 1638/CV-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 2: Mua sắm trang thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Đức Linh, Phòng Vật tư, TBYT, Điện thoại: 0913 672 290.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư, TBYT - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, Địa chỉ: 181 Hải Thượng Lãn Ông - Phường Đông Vệ - Thành Phố Thanh Hóa.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 04 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h ngày 13 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối 90 ngày kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): *(chi tiết như phụ lục đính kèm)*.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 181 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Các thông tin khác (nếu có):
 - Báo giá đã bao gồm đào tạo hướng dẫn sử dụng, các loại thuế, chi phí, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, bảo hiểm, giao hàng, bàn giao nghiệm thu tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Bv (để đăng tải);
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT; PVT TBYT; TCKT.

Chung
GIÁM ĐỐC



Lê Văn Sỹ



PHỤ LỤC I:

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Đính kèm Công văn số: 1638/GV-BV/ĐKT ngày 04 tháng 6 năm 2024)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
1	Máy thận nhân tạo	<p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none">- Thiết bị mới 100%- Năm sản xuất: 2023 trở về sau.- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.- Nguồn điện sử dụng: 220VAC, 50Hz- Điều kiện môi trường hoạt động:<ul style="list-style-type: none">+ Nhiệt độ tối đa: $\leq 15^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$+ Độ ẩm tối đa: 30% - 75%, 95% trong thời gian ngắn. <p>II. Cấu hình cho mỗi máy</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính: 01 chiếc- Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 Bộ- Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 Bộ- Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 Bộ- Cây treo dịch truyền/Cọc đỡ dịch môi: 01 cái- Giá đỡ quả lọc: 01 Cái- Dây nguồn gắn sẵn: 01 Cái- Que hút hoá chất tẩy trùng: 01 Cái- Màng lọc dịch siêu sạch: 01 Cái- Sách Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ <p>III. Thông số kỹ thuật</p> <p>Nước cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none">- Áp lực đầu vào: Từ ≤ 1.5 đến ≥ 6.0 bar- Nhiệt độ: Từ $\leq 5^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 30^{\circ}\text{C}$- Đầu ra tối đa cao: $\geq 1\text{m}$- Áp lực cấp: Độ cao $\leq 1\text{m}$ <p>Môi trường hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhiệt độ phòng: Từ $\leq 15^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 35^{\circ}\text{C}$- Độ ẩm: 30% - 75%, 95% trong thời gian ngắn <p>Khả năng chịu tải của giá treo dịch truyền</p> <ul style="list-style-type: none">- Khả năng chịu tải tối đa: $\geq 5\text{kg}$	15	Cái

Các tín hiệu ngõ ra

- Alarm in: Chức năng gọi sự trợ giúp
- Alarm out: Hiện thị trạng thái của máy

1. Khối dây máu bên ngoài

Bơm máu động mạch:

- Tốc độ bơm: Từ ≤ 15 tới ≥ 600 ml/min đối với dây máu đường kính trong 8mm
- Độ chính xác: $\pm 10\%$
- Đường kính dây máu: Từ ≤ 2 đến ≥ 10 mm

Kiểm soát áp lực động mạch:

- Khoảng hiển thị: Từ $\leq - 300$ mmHg tới $\geq + 280$ mmHg
- Độ chính xác: ± 10 mmHg

Kiểm soát áp lực tĩnh mạch:

- Khoảng hiển thị: Từ $\leq - 60$ mmHg tới $\geq + 520$ mmHg
- Độ chính xác: ± 10 mmHg

Kiểm soát áp lực xuyên màng:

- Khoảng hiển thị: Từ $\leq - 60$ mmHg tới $\geq + 520$ mmHg

Bộ phát hiện khí tĩnh mạch:

- Phát hiện bong bóng khí nhờ vào bộ phát sóng siêu âm.

Bơm Heparin:

- Lưu lượng truyền: Khoảng từ 0 - 10 ml/h
- Bolus: tối đa 5 ml /lần.
- Kích cỡ xy lanh: ≤ 20 ml.

Dòng dịch tối ưu (adapted flow):

- Lưu lượng dịch lọc (Q_d) = Lưu lượng máu thực tế (Q_b) x Hệ số AdaptedFlow (F)
- Hệ số (F): Từ ≤ 1.0 đến ≥ 2.0 với mức tăng dần 0.1

2. Khối thủy lực

- Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0 – 300 – 500 – 800 ml/min
- Nhiệt độ dịch: Từ $\leq 35^\circ\text{C}$ đến $\geq 39^\circ\text{C}$
- Độ dẫn điện của dịch lọc: Từ ≤ 12.8 đến ≥ 15.7 mS/cm (25°C)
- Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm

Nồng độ cho dịch Acetate hoặc dịch Acid (Acid dialysate)

- Tỷ lệ trộn dịch mặc định 1 + 34. Có thể thay

		<p>đổi cho nhiều loại khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoảng thay đổi: Từ 125 đến 150 mmol/l <p>Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trộn mặc định 1 + 27.6 có thể thay đổi - Khoảng thay đổi: Từ - 8 đến + 8 mmol/l bicarbonate <p>Dịch bicarbonate bột</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể phối hợp với bột Bicarbonate <p>Hệ thống lọc dịch thẩm phân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc dịch: Giúp dịch thẩm phân trở nên siêu sạch khi đến màng lọc - Độ cân bằng chính xác của dịch lọc: $\pm 0.1\%$ so với lưu lượng dịch lọc <p>Siêu lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ rút ký: Khoảng từ 0 - 4.00 l/h - Độ chính xác: $\pm 1\%$. - Tương thích với hệ số UF của màng lọc: Không giới hạn - Các thông số hiển thị: UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút, thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút) <p>Bộ phát hiện rò rỉ máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: ≤ 0.5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa 800ml/phút. <p>Đo độ thanh thải trực tuyến (Kt/V)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác của độ thanh thải K: $\pm 6\%$ <p>3. Các chương trình rửa máy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa đơn thuần dùng nước RO nhiệt độ 37°C - Rửa nước nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn - Rửa hóa chất nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn - Rửa hóa chất nhiệt độ thường 37°C - Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau. 		
2	Dây nội soi dạ dày video	<p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất 2023 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt. - Dây soi dạ dày lắp đặt phù hợp cho Hệ thống nội soi dạ dày, tá tràng và đại tràng 	02	Bộ

		<p>Olympus CV-170 hiện có tại Bệnh viện</p> <p>II. Phụ kiện đi kèm với ống soi dạ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chổi rửa kênh: 01 chiếc - Chổi rửa kênh sinh thiết mở: 01 chiếc - Nhựa ngáng miệng: 01 chiếc - Nắp Biosy Valve: 01 gói - Adaptor vệ sinh khí và nước: 01 chiếc - Bộ ống rửa: 01 bộ - Nắp đậy kênh: 01 chiếc - Nắp Eto cap: 01 chiếc <p>III. Thông số kỹ thuật</p> <p>1. Hệ thống quang học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Góc của trường nhìn: $\geq 140^{\circ}$ + Hướng nhìn thẳng: 0° + Độ sâu của trường nhìn: $2 - \geq 100\text{mm}$ <p>2. Phần thân ống soi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính ngoài đoạn chóp đuôi ống soi: 9,2mm + Đường kính ngoài phần ống luôn: 9,2mm + Độ dài làm việc của ống soi: $\geq 1.030\text{mm}$ <p>3. Độ uốn cong của đầu ống soi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lên: $\geq 210^{\circ}$, Xuống: 90° + Phải: $\geq 100^{\circ}$, Trái: 100° <p>4. Độ dài tổng của ống soi: $\geq 1.350\text{mm}$</p> <p>5. Kênh dụng cụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trong kênh sinh thiết: 2,8mm + Khoảng cách nhìn rõ tối thiểu 3mm từ phần chóp đuôi 		
3	Hệ thống nội soi tiêu hóa	<p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: Năm 2023 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện: AC 220V; 50/60Hz <p>II. Cấu hình hệ thống bao gồm:</p> <p>1. Máy chính</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng: 01 bộ 1.2. Ống nội soi dạ dày: 01 bộ 1.3. Ống nội soi đại tràng: 01 bộ 1.4. Ống soi tá tràng cửa sổ bên: 01 bộ 	01	Hệ thống

2. Phụ kiện đi kèm với hệ thống nội soi tiêu hóa

- 2.1. Màn hình nội soi chuyên dụng: 01 cái
- 2.2. Máy hút dịch: 01 cái
- 2.3. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ đầu ống soi: 01 bộ
- 2.4. Xe đẩy máy chuyên dụng: 01 cái
- 2.5. Bộ máy vi tính, máy in màu: bộ
- 2.6. Kim sinh thiết cho nội soi đại tràng, dùng 1 lần: 01 hộp 20 cái
- 2.7. Kim sinh thiết cho nội soi dạ dày, dùng 1 lần: 01 hộp 20 cái
- 2.8. Máy tưới rửa kênh nước phụ: 01 cái
- 2.9. Nguồn cắt đốt chuyên dụng cho nội soi (dao mô điện): 01 cái
- 2.10. Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

III. Thông số kỹ thuật:

1. Máy chính

1.1. Bộ xử lý hình ảnh, nguồn sáng:

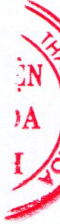
- Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng LED công nghệ quang phổ hoặc tương đương
- Chức năng tăng cường quan sát tối thiểu có: ≥ 03 chức năng tăng cường quan sát nhằm cải thiện chức năng chẩn đoán và điều trị:
 - + Quan sát hình ảnh tăng cường kết cấu và màu sắc tối ưu hóa cấu trúc, tông màu và độ sáng của bề mặt mô
 - + Quan sát hình ảnh đa sắc đỏ cải thiện tầm nhìn mạch máu sâu và điểm chảy máu
 - + Quan sát hình ảnh điều chỉnh độ sáng duy trì độ tương phản cải thiện độ sáng ở những phần tối hơn
- Chức năng trực quan: có
- Bảng điều khiển: loại cảm ứng
- Tín hiệu đầu ra analog tối thiểu có: Phục hợp VBS, các đầu ra có thể sử dụng đồng thời
- Tín hiệu đầu ra kỹ thuật số tối thiểu có: SDI, HD-SDI, SD-SDI
- Có thể lưu ≥ 20 cài đặt người sử dụng
- Điều chỉnh tông màu: điều chỉnh tông màu của mỗi hình ảnh nội soi khi quan sát bằng ánh sáng trắng, dải tần hẹp và đa sắc đỏ:
 - + Đỏ: $\geq \pm 8$ bước

	<ul style="list-style-type: none"> + Xanh: $\geq \pm 8$ bước + Chroma: $\geq \pm 8$ bước - Có khả năng điều chỉnh độ lợi sáng tự động: hình ảnh có thể được khuếch đại điện tử khi ánh sáng không đủ do đầu cuối ống soi đi quá xa vùng soi - Có khả năng điều chỉnh độ tương phản: <ul style="list-style-type: none"> + Cao: các vùng tối thì tối hơn còn các vùng sáng thì sáng hơn so với hình ảnh thông thường +Thấp: các vùng tối thì sáng hơn còn các vùng sáng thì tối hơn so với hình ảnh thông thường - Có khả năng chỉnh sáng vẫn duy trì độ tương phản - Có chức năng hiệu chỉnh ánh sáng: ≥ 03 mức - Có ≥ 3 chế độ tăng cường hình ảnh - Có ≥ 3 chế độ phóng đại điện tử - Có thể lựa chọn chế độ ảnh trong ảnh hoặc ảnh ngoài ảnh - Tỷ lệ khuôn hình tối thiểu có 16:9 - Có chế độ dừng hình và dừng hình trước - Hiện thị: <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin người bệnh: những dữ liệu sau có thể hiển thị trên màn hình: Mã người bệnh – Tên người bệnh – Giới – Tuổi – Ngày sinh – Lưu ý <ul style="list-style-type: none"> + Dữ liệu bệnh nhân: trạng thái ghi dữ liệu của những thiết bị ngoại vi sau có thể hiển thị trên màn hình: Dữ liệu di động, dung lượng dự trữ, thiết bị ghi hình, số lượng ảnh/trạng thái ghi hình, máy in màu, số lượng ảnh, hệ thống lưu trữ ảnh: số lượng hình + Thông tin hình ảnh thiết bị: dữ liệu sau có thể hiển thị trên màn hình: tang cường hình ảnh, tỷ lệ phóng đại điện tử, chế độ màu, tiêu cự, chế độ quan sát - Có bộ nhớ dự phòng - Có khả năng nâng cấp phần mềm trong hỗ trợ tầm soát, sàng lọc, phát hiện polyp và có hay không ung thư đại trực tràng khi soi <p>1.2. Ống nội soi dạ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng hình ảnh: HDTV hoặc tương đương - Điều chỉnh tiêu cự: điều chỉnh ≥ 2 loại tiêu cự. Độ sâu của trường nhìn được tối ưu hóa thành độ sâu của trường nhìn gần và độ sâu 		
--	---	--	--

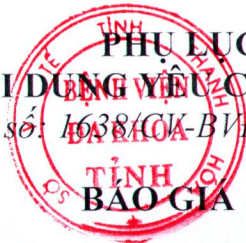
	<p>của trường nhìn thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chức năng chẩn đoán ung thư sớm bằng hình ảnh với ánh sáng dải băng hẹp cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc. - Có chức năng tăng cường chất lượng hình ảnh: có thể thấy rõ sự giảm thiểu quang sáng và độ nhiễu của hình ảnh trên màn hình. - Có chức năng dừng hình trước: cho phép lựa chọn hình ảnh rõ nét nhất trong loạt ảnh chụp trong khoảng thời gian chọn lựa - Có kênh nước phụ giúp phun rửa các dịch nhầy để trường nhìn luôn rõ ràng - Ống soi có khả năng chống thấm nước: cho phép ngâm toàn bộ ống soi. - Trường nhìn: $\geq 140^\circ$ - Hướng quan sát: nhìn thẳng. - Độ sâu trường nhìn: <ul style="list-style-type: none"> + Độ sâu của trường nhìn thường: từ $\leq 5 - \geq 100\text{mm}$. + Độ sâu của trường nhìn gần: từ $\leq 2 - \geq 6\text{mm}$. - Đường kính ngoài của đầu ống soi: $\leq 9,9\text{mm}$. - Đường kính ngoài của thân ống soi $\leq 9,9\text{mm}$. - Độ dài làm việc: $\geq 1.030\text{mm}$. - Kênh dụng cụ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trong kênh dụng cụ: $\geq 2,8\text{mm}$. + Khoảng cách nhìn tối thiểu: $\leq 3,0\text{mm}$ từ đầu cuối ống soi. - Phần uốn cong: <ul style="list-style-type: none"> + Lên: $\geq 210^\circ$. + Xuống: $\geq 90^\circ$. + Phải: $\geq 100^\circ$. + Trái: $\geq 100^\circ$. - Độ dài tổng: $\leq 1.350\text{mm}$. <p>1.3. Ống nội soi đại tràng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng hình ảnh: HDTV hoặc tương đương. - Điều chỉnh tiêu cự: lấy tiêu cự cho phép người dùng điều chỉnh ≥ 2 loại tiêu cự. Độ sâu của trường nhìn được tối ưu hóa thành độ sâu của trường nhìn gần và độ sâu của trường nhìn thường. - Có chức năng chẩn đoán ung thư sớm bằng 		
--	---	--	--

	<p>hình ảnh với ánh sáng dải băng hẹp cho phép quan sát sự khác biệt các mao mạch và cấu trúc lớp niêm mạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường chất lượng hình ảnh: có thể thấy rõ sự giảm thiểu quang sáng và độ nhiễu của hình ảnh trên màn hình. - Chức năng dừng hình trước: cho phép lựa chọn hình ảnh rõ nét nhất trong loạt ảnh chụp trong khoảng thời gian chọn lựa. - Có kênh nước phụ giúp phun rửa các dịch nhầy. - Có khả năng thay đổi độ cứng của ống soi để phù hợp với nhu cầu của bác sĩ. - Ống soi có khả năng chống thấm nước: cho phép ngâm toàn bộ ống. - Trường nhìn: $\geq 140^{\circ}$. - Hướng quan sát: nhìn thẳng. - Độ sâu trường nhìn: <ul style="list-style-type: none"> + Độ sâu của trường nhìn thường: từ ≤ 5 - ≥ 100mm. + Độ sâu của trường nhìn gần: từ ≤ 2 - ≥ 6mm. - Đường kính ngoài đoạn chóp đuôi ống soi: $\leq 13,2$ mm. - Đường kính ngoài của thân ống soi $\leq 13,2$mm. - Kênh dụng cụ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trong kênh dụng cụ: $\geq 3,7$mm. + Khoảng cách nhìn tối thiểu: $\leq 4,0$mm từ đầu cuối ống soi. - Phần uốn cong: <ul style="list-style-type: none"> + Lên: $\geq 180^{\circ}$. + Xuống: $\geq 180^{\circ}$. + Phải: $\geq 160^{\circ}$. + Trái: $\geq 160^{\circ}$. - Độ dài làm việc: ≥ 1.300mm. - Độ dài tổng: ≤ 1.630mm <p>1.4. Ống nội soi tá tràng cửa sổ bên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góc của trường nhìn: $\geq 100^{\circ}$ - Hướng nhìn: nhìn ngược $\geq 15^{\circ}$ - Độ sâu của trường nhìn: ≤ 5mm - ≥ 60mm - Phần thân ống soi: 		
--	---	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> + Đường kính ngoài đoạn chóp đuôi ống soi: $\geq 13,5\text{mm}$ + Đường kính ngoài phần ống luôn: $\geq 11,3\text{mm}$ + Độ dài làm việc của ống soi: $\geq 1.240\text{mm}$ - Khả năng uốn cong của đầu ống soi: <ul style="list-style-type: none"> + Lên: $\geq 120^\circ$, Xuống: $\geq 90^\circ$ + Phải: $\geq 110^\circ$, Trái: $\geq 90^\circ$ - Độ dài tổng của ống soi: $\geq 1.560\text{ mm}$ - Kênh dụng cụ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trong kênh sinh thiết: $\geq 4,2\text{mm}$ + Khoảng cách nhìn rõ tối thiểu $\leq 10\text{mm}$ từ phần chóp đuôi. <p>2. Các phụ kiện khác:</p> <p>2.1. Màn hình nội soi chuyên dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình tinh thể lỏng: $\geq 24\text{ inch}$. - Độ phân giải: $\geq 1.920 \times 1.080\text{ pixels}$. - Tỷ lệ chia màn hình tối thiểu có 16:9. - Tín hiệu vào tối thiểu có: SDI, DVI, Composite - Màu: $\geq 16\text{ triệu màu}$. <p>2.2. Máy hút dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng hút: $\geq 40\text{ lít/phút}$. - Số lượng bình: $\geq 02\text{ bình}$. - Áp lực hút tối đa: $\geq 600\text{ mmHg}$. - Loại bơm không dầu. <p>2.3. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ đầu ống soi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra rò rỉ đầu ống soi <p>2.4. Xe đẩy máy chuyên dụng cho nội soi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tay treo ống soi. - Có đệm cao su giữ ống soi hoặc tương đương. - Có cao su kết nối khác hoặc tương đương. - Có 4 bánh, có khóa. <p>2.5. Bộ máy vi tính + Máy in phun màu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chip máy tính: $\geq\text{ core i5}$. - Ổ cứng máy tính: $\geq 500\text{GB}$. - RAM máy tính: $\geq 4\text{GB}$. - Máy tính có ổ ghi DVD hoặc tương đương. - Màn hình máy tính: $\geq 21\text{ inch}$. - Máy in màu: loại in phun, cỡ giấy $\geq\text{ A4}$. 		
--	---	--	--

	<p>2.6. Kim sinh thiết đại tràng dùng một lần, có kim:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm, chiều dài làm việc 2.300mm <p>2.7. Kim sinh thiết dạ dày dùng một lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm, chiều dài làm việc 1.550mm <p>2.8. Máy tưới rửa kênh nước phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự động tắt: sau khoảng 20 giây nhằm ngăn chặn lưu lượng nước không lượng trước khi bơm vào bệnh nhân khi bình chứa nước rỗng. <p>2.9. Nguồn cắt đốt chuyên dụng cho nội soi (dao mổ điện):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng điều khiển: loại cảm ứng chạm - Hiển thị ≥ 29 ngôn ngữ - Chế độ cắt đốt ≥ 04 chế độ - Có chế độ kiểm soát tia đốt nhanh giúp đo lường mức độ tia đốt trong quá trình cắt, tự động điều chỉnh năng lượng đầu ra để đạt hiệu quả tái tạo mô cũng như bảo vệ dụng cụ nội soi. - Có chế độ hỗ trợ cắt năng lượng cao giúp cắt không có độ trễ. - Có khả năng quản lý chất lượng tiếp xúc để giảm nguy cơ bỏng nhiệt do bệnh. - Công suất đơn cực: <ul style="list-style-type: none"> + Cắt thuần $\geq 120W/500\Omega$ + Cắt xung chậm/nhanh $\geq 120W/500\Omega$ + Cầm máu nhẹ $\geq 120W/500\Omega$ + Cầm máu tăng cường $\geq 120W/500\Omega$ - Công suất lưỡng cực: <ul style="list-style-type: none"> + Cắt lưỡng cực $\geq 100W/500\Omega$ + Cầm máu nhẹ lưỡng cực $\geq 120W/500\Omega$ 		
--	--	--	---

PHỤ LỤC II:
NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Đính kèm Công văn số: 1638/CV-BVĐKT ngày 04 tháng 6 năm 2024)



Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /CV-BVĐKT ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá, chúng tôi...(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ họ tên, địa chỉ của các thành viên trong liên danh); Mã số thuế: báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (gồm VAT) (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
...										
n										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].



3. Báo giá đã bao gồm đào tạo hướng dẫn sử dụng, các loại thuế, chi phí, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, bảo hiểm, giao hàng, bàn giao nghiệm thu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)

